

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 3 - 2025

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình -
hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật
2. Bà Lê Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Truyền Hân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T (gọi tắt là anh T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Hồng Đ tự nguyện kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Anh T và chị Đ đã không còn sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T1 (giới tính: nam), sinh ngày 26/5/2020, hiện cháu T1 đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2024 chị Nguyễn Thị Hồng Đ (gọi tắt là chị Đ) trình bày:

Chị Đ và anh T tự nguyện kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn tình cảm, nên không thể tiếp tục sống chung. Nay anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn thì chị Đ cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T1 (giới tính: nam), sinh ngày 26/5/2020, hiện cháu T1 đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, thì chị Đ cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ khai không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ. Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. [1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều

238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ, nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi cho anh T và chị Đ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào 2020 anh T và chị Đ tự nguyện kết hôn và có đăng kết hôn theo quy định nên được hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Sau thời gian chung sống anh chị đã có con chung với nhau, tuy nhiên cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Nay anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Đ, chị Đ cũng đồng ý ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị Đ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Nguyễn Văn T nhận thấy: Cháu Nguyễn Anh T1 (giới tính nam), sinh ngày 26/5/2020 hiện cháu T1 đang sống với anh T và được anh T chăm sóc tốt và chị Đ cũng đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo điều kiện phát triển tốt và đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu T1 nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Anh T1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Hồng Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Đ khai thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T1 (giới tính: nam), sinh ngày 26/5/2020 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Hồng Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010388 phiếu lập ngày 18/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Thật Lê Thị Mỹ L Nguyễn Thị Thúy N